

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
PHONG PHÚ
PHONG PHU CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 344 /PP-TCKT
No.: /PP-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025
Ho Chi Minh City, 28 October 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
REGULAR DISCLOSURE OF INFORMATION ON FINANCIAL REPORTS

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
To: Hanoi Stock Exchange (HNX)

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **Tổng Công Ty Cổ phần Phong Phú** (MCK: PPH) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3/2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Complying with the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16th, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Phong Phu Corporation (Stock code: PPH) would like to disclose the Financial Statements in Quarter III of 2025 with Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ Name of Organization: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ/ Phong Phu Corporation**

- Mã chứng khoán/ Stock code: PPH
- Địa chỉ/ Address: 48 Tầng Nhon Phú, Phường Tăng Nhon Phú, Tp. HCM/ No. 48 Tang Nhon Phu Street, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- Điện thoại liên hệ/ Tel: 02822101693
- Website: www.phongphucorp.com

2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

- BCTC Quý 3/năm 2025 theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm/ Financial Statements in Quarter III of 2025 in accordance with Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC, including:

BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con)/ Consolidated Financial Statements (Listed organizations have subsidiaries);

BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ Combined Financial Statements (Listed organizations has an accounting units directly under its own accounting system).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ Cases in which the cause must be explained:



+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm) / *The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in 2025):*

Có/ Yes

Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

Có/ Yes

Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm) / *Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2025):*

Có/ Yes

Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

Có/ Yes

Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước? / *The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

Có/ Yes

Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

Có/ Yes

Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại? / *The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa?*

Có/ Yes

Không/ No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có / *Explanatory documents in case of a "Yes" answer:*

Có/ Yes

Không/ No

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 28/10/2025 tại đường dẫn / *This information was published on the Company's website on 28 October 2025 at the link: <http://www.phongphucorp.com/shareholder/bao-cau-tai-chinh.html>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. / *We hereby commit that the information published above is true and take full responsibility before the law for the content of the published information.*

Đại diện tổ chức/ Organization Representative

Người đại diện theo pháp luật/ *Legal Representative*

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(*Signature, full name, position, and company seal*)

TỔNG GIÁM ĐỐC/ GENERAL DIRECTOR



DƯƠNG KHUÊ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TỔNG HỢP

QUÝ 3 NĂM 2025

T(ư)g
Công Ty
CP
Phong
Phú

Digitally signed by
T(ư)g Công Ty CP
Phong Phú
DN: cn=T(ư)g Công
Ty CP Phong Phú
c=VN
Reason: I am the
author of this
document
Location:
Date: 2025-10-28
11:47+07:00



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính : VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.307.784.352.652 | 1.305.091.264.770 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 114.468.628.189 | 48.821.827.874 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 24.468.628.189 | 48.821.827.874 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 90.000.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 606.721.706.198 | 546.189.593.362 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 606.721.706.198 | 546.189.593.362 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 451.129.009.740 | 387.271.746.631 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 377.846.836.183 | 356.039.714.909 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 3.682.460.200 | 12.967.093.911 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 111.782.032.654 | 53.741.672.529 |
| 7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 137 | V.6 | (42.183.197.683) | (35.491.061.945) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 878.386 | 14.327.227 |
| IV. Hàng hoá tồn kho | 140 | V.7 | 133.986.623.607 | 322.115.489.144 |
| 1. Hàng hoá tồn kho | 141 | | 135.414.468.484 | 323.543.334.021 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (1.427.844.877) | (1.427.844.877) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.478.384.918 | 692.607.759 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8 | 1.270.615.903 | 411.646.587 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | 73.192.157 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước | 153 | | 207.769.015 | 207.769.015 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.532.071.589.244 | 1.411.111.406.597 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 127.550.998.510 | 307.066.666 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 127.550.998.510 | 307.066.666 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 725.240.404.531 | 746.422.718.729 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | V.9 | 725.140.894.489 | 746.314.162.328 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.933.146.988.755 | 1.893.966.104.332 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.208.006.094.266) | (1.147.651.942.004) |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 2. TSCĐ thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | V.10 | 99.510.042 | 108.556.401 |
| - Nguyên giá | 228 | | 583.927.273 | 583.927.273 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (484.417.231) | (475.370.872) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.186.667.865 | 2.723.566.654 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 2.186.667.865 | 2.723.566.654 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2b | 671.187.678.719 | 654.692.266.189 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 248.850.000.000 | 234.450.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 371.267.159.796 | 371.267.159.796 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 105.929.737.637 | 105.929.737.637 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (54.859.218.714) | (56.954.631.244) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.905.839.619 | 6.965.788.359 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 5.905.839.619 | 6.965.788.359 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.839.855.941.896 | 2.716.202.671.367 |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.182.528.880.453 | 1.320.684.337.905 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 624.497.367.129 | 769.964.615.973 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 187.683.460.111 | 205.037.265.215 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 125.758.259.568 | 129.315.513.090 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước | 313 | V.14 | 48.643.135.940 | 76.189.460.093 |
| 4. Phải trả cho người lao động | 314 | V.15 | 34.668.313.626 | 36.211.658.961 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 7.773.973.032 | 4.089.822.379 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả tiền độ KH của hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 3.189.198.063 | 4.029.941.115 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 33.782.948.107 | 129.763.651.965 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.18a | 99.091.761.049 | 110.557.998.607 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 62.473.188.366 | 62.473.188.366 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 21.433.129.267 | 12.296.116.182 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 558.031.513.324 | 550.719.721.932 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối quý | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 18.847.936.403 | 20.497.647.770 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 13.917.342.000 | 13.891.296.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.18b | 525.266.234.921 | 516.330.778.162 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 343 | | - | - |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.657.327.061.443 | 1.395.518.333.462 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 1.657.327.061.443 | 1.395.518.333.462 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 746.708.910.000 | 746.708.910.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 746.708.910.000 | 746.708.910.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 32.368.276.001 | 32.368.276.001 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 492.173.636.476 | 457.277.635.476 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 386.076.238.966 | 159.163.511.985 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 53.581.818.485 | 159.163.511.985 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 332.494.420.481 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và các quỹ | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.839.855.941.896 | 2.716.202.671.367 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Lan Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tú Anh



TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Khuê

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2025

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Quý 3 | | Lũy kế đến quý báo cáo | |
|------------------------------------------------------------------------------|----|------|-----------------|-----------------|------------------------|-------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 385.833.157.244 | 418.824.170.888 | 1.260.194.801.178 | 1.207.189.998.979 |
| 2 - Các khoản giảm trừ | 02 | VI.2 | 155.974.280 | 118.681.086 | 261.203.314 | 175.175.866 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10= 01-03) | 10 | | 385.677.182.964 | 418.705.489.802 | 1.259.933.597.864 | 1.207.014.823.113 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 329.758.606.202 | 370.250.694.491 | 1.081.485.909.019 | 1.056.660.495.593 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 55.918.576.762 | 48.454.795.311 | 178.447.688.845 | 150.354.327.520 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 110.637.731.991 | 128.556.866.240 | 371.532.759.258 | 383.368.606.536 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 12.736.248.613 | 3.659.243.441 | 39.445.405.023 | 52.971.754.610 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 5.800.626.367 | 6.863.685.497 | 22.626.782.248 | 20.931.672.446 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 5.123.069.113 | 4.757.447.513 | 13.869.239.498 | 12.222.307.450 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 66.337.444.408 | 77.335.989.364 | 165.303.202.159 | 160.004.581.742 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)] | 30 | | 82.359.546.619 | 91.258.981.233 | 331.362.601.423 | 308.524.290.254 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 2.851.860.983 | 4.297.099.166 | 3.121.970.808 | 5.295.876.853 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 275.221.972 | 1.223.459.985 | 1.686.151.751 | 4.240.117.964 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31- 32) | 40 | | 2.576.639.011 | 3.073.639.181 | 1.435.819.057 | 1.055.758.889 |
| 14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40) | 50 | | 84.936.185.630 | 94.332.620.414 | 332.798.420.480 | 309.580.049.143 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành | 51 | | - | - | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | 52 | | - | - | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51) | 60 | | 84.936.185.630 | 94.332.620.414 | 332.798.420.480 | 309.580.049.143 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | | | | | |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Lan Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Tú Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đương Khuê

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Q3/2025 | Q3/2024 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|------------------------------------|--------------------------|
| | | | | | | Năm nay | Năm trước |
| I. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | | | |
| 1. | Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 449.077.475.943 | 417.957.484.688 | 1.269.818.584.194 | 1.144.282.182.344 |
| 2. | Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | | (332.996.531.038) | (321.900.681.560) | (999.519.378.481) | (933.142.511.549) |
| 3. | Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (27.416.741.975) | (28.828.864.974) | (94.923.936.403) | (95.047.849.032) |
| 4. | Tiền lãi vay đã trả | 04 | | (855.649.089) | (1.083.721.982) | (19.106.633.718) | (22.378.448.793) |
| 5. | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 05 | | - | - | (29.729.199) | - |
| 6. | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 1.061.277.011 | 4.161.244.265 | 7.308.639.014 | 18.855.136.857 |
| 7. | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (95.913.347.674) | (12.743.685.510) | (182.375.033.671) | (248.482.916.534) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (7.043.516.822) | 57.561.774.927 | (18.827.488.264) | (135.914.406.707) |
| II. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - | - | - |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | (3.404.905.973) | (4.681.642.845) | (57.874.036.706) | (40.946.462.331) |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - | - | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | (310.000.000.000) | (335.000.000.000) | (761.000.000.000) | (809.175.656.331) |
| 5. | Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - | (14.400.000.000) | (25.591.240.000) |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 177.365.248.868 | 144.418.064.751 | 380.763.051.308 | 457.924.110.414 |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 71.687.890.122 | 22.792.693.807 | 250.216.561.829 | 331.781.007.250 |
| III. | Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | | |
| 1. | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - | - | - |
| 2. | Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - | - | - |
| 3. | Tiền thu từ đi vay | 33 | | 3.455.697.622 | 3.916.463.901 | 20.850.161.225 | 37.497.618.602 |
| 4. | Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (5.481.156.050) | (19.240.724.575) | (42.478.921.537) | (62.777.808.505) |
| 5. | Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - | - | - |
| 6. | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | (48.669.045.253) | (144.113.512.938) | (167.031.875.828) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (2.025.458.428) | (63.993.305.927) | (165.742.273.250) | (192.312.065.731) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 62.618.914.872 | 16.361.162.807 | 65.646.800.315 | 3.554.534.812 |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | V.1 | 51.849.713.317 | 12.600.578.991 | 48.821.827.874 | 25.407.206.986 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 114.468.628.189 | 28.961.741.798 | 114.468.628.189 | 28.961.741.798 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU



Trần Lan Anh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Lê Thị Tú Anh



Dương Khuê

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty cổ phần Phong Phú (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất, mua bán sợi, vải, khăn, chỉ may, chỉ thêu, sản phẩm may mặc và thời trang (trừ tây, nhuộm, hồ in trên sản phẩm dệt, may đan, gia công hàng đã qua sử dụng); Mua bán máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, phụ liệu ngành dệt – nhuộm – may; Buôn bán bông, xơ, sợi dệt, hàng may mặc;...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của từng ngân hàng.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của từng ngân hàng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu khách hàng được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:
 - Xây dựng dự án bất động sản: bao gồm chi phí xây dựng, lãi vay, quyền sử dụng đất và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
 - Sản xuất sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là quyền sử dụng đất, chi phí sửa chữa, công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Quyền sử dụng đất

Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất là khoản tiền đã trả cho phần đất chuyển nhượng mà Tổng Công ty đang sử dụng. Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn qui định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các chi phí thực tế chi ra để sửa chữa văn phòng cho thuê và máy móc thiết bị. Chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 40 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty chỉ có Chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tổng Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tổng Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tổng Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.
- Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tổng Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 1.824.341.063 | 1.984.031.115 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 22.644.287.126 | 46.837.796.759 |
| Các khoản tương đương tiền | 90.000.000.000 | - |
| Cộng | <u>114.468.628.189</u> | <u>48.821.827.874</u> |

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư tài chính**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng

2b. Các khoản đầu tư tài chính

| | <u>Số cuối quý</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Đầu tư vào công ty con | 248.850.000.000 | - | 234.450.000.000 | - |
| Công ty cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú | 220.050.000.000 | - | 220.050.000.000 | - |
| Công ty cổ phần Nam Dương Phú | 28.800.000.000 | - | 14.400.000.000 | - |
| Đầu tư vào cty liên doanh, liên kết | 371.267.159.796 | (15.463.749.845) | 371.267.159.796 | (23.917.720.035) |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 85.253.638.578 | - | 85.253.638.578 | - |
| Công ty cổ phần Dệt may Nha Trang | 70.968.627.165 | (3.729.027.380) | 70.968.627.165 | (11.888.438.169) |
| Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 | - |
| Công ty cổ phần may Đà Lạt | 6.769.616.000 | - | 6.769.616.000 | - |
| Công ty cổ phần Xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú | 6.800.516.237 | (6.800.516.237) | 6.800.516.237 | (6.800.516.237) |
| Công ty cổ phần phát triển nhà Phong Phú Daewon Thủ Đức | 144.586.200.608 | (4.934.206.228) | 144.586.200.608 | (5.228.765.629) |
| Công ty cổ phần Dệt Đông Nam | 46.888.561.208 | - | 46.888.561.208 | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 105.929.737.637 | (39.395.468.869) | 105.929.737.637 | (33.036.911.209) |
| Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An | 13.027.052.451 | (2.618.942.325) | 13.027.052.451 | (1.423.365.164) |
| Công ty CP Dệt may Liên Phương | 32.288.540.334 | (14.497.595.822) | 32.288.540.334 | (9.402.117.994) |
| Công ty CP ĐTPT Gia Định | 12.533.634.095 | - | 12.533.634.095 | - |
| Công ty CP Dệt may Gia Định Phong Phú | 5.852.355.319 | (5.852.355.319) | 5.852.355.319 | (5.852.355.319) |
| Công ty cổ phần Len Việt Nam | 1.337.103.882 | (877.928.858) | 1.337.103.882 | (877.928.858) |
| Công ty TNHH sản xuất kinh doanh nguyên liệu dệt may VN | 11.282.879.453 | (10.750.784.394) | 11.282.879.453 | (10.683.281.723) |
| Công ty cổ phần Sài Gòn Rạch Giá | 2.984.184.383 | (2.984.184.382) | 2.984.184.383 | (2.984.184.382) |
| Công ty cổ phần Hưng Phú | 1.813.677.769 | (1.813.677.769) | 1.813.677.769 | (1.813.677.769) |
| Cty CP PT đô thị dệt may Nam Định | 7.500.000.000 | - | 7.500.000.000 | - |
| Công ty cổ phần Phước Lộc | 3.216.754.481 | - | 3.216.754.481 | - |
| Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú | 14.093.555.470 | - | 14.093.555.470 | - |
| Cộng | <u>726.046.897.433</u> | <u>(54.859.218.714)</u> | <u>711.646.897.433</u> | <u>(56.954.631.244)</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>9 tháng 2025</u> | |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|
| Số đầu năm | 56.954.631.244 | |
| Trích dự phòng bổ sung/(hoàn nhập) | <u>(2.095.412.530)</u> | |
| Số cuối quý | <u>54.859.218.714</u> | |
| 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 326.752.663.959 | 314.703.284.105 |
| Công ty cổ phần dệt may Nha Trang | 924.653.877 | |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 288.841.619.798 | 262.239.956.872 |
| Công ty cổ phần Xúc Tiến TM và ĐT Phong Phú | 11.930.807.340 | 12.930.807.340 |
| Công ty cổ phần Dệt Gia Dụng Phong Phú | 8.620.337.456 | 25.331.087.476 |
| Công ty cổ phần Nam Dương Phú | 2.816.749.458 | 35.349.229 |
| Công ty CP Phước Lộc | 11.670.941.498 | 12.412.373.059 |
| Công ty CP Quốc Tế Phong Phú | 1.438.986.936 | 1.479.363.077 |
| Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ | 508.567.596 | 274.347.052 |
| Phải thu các khách hàng khác | 51.094.172.224 | 41.336.430.804 |
| Các khách hàng khác | 51.094.172.224 | 41.336.430.804 |
| Cộng | <u>377.846.836.183</u> | <u>356.039.714.909</u> |
| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| Trả trước cho các bên liên quan | 933.606.000 | - |
| Tập Đoàn Dệt May Việt Nam | 189.000.000 | |
| Công ty cổ phần Nam Dương Phú | 744.606.000 | - |
| Trả trước cho người bán khác | 2.748.854.200 | 12.967.093.911 |
| Ace Trading Co.,Ltd | 210.199.968 | 327.941.966 |
| Công ty CP Dệt- May Hoàng Thị Loan | | |
| - Trả trước tiền gia công | - | 10.000.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.538.654.232 | 2.639.151.945 |
| Cộng | <u>3.682.460.200</u> | <u>12.967.093.911</u> |
| 5. Phải thu khác | | |
| 5a. Phải thu ngắn hạn khác | | |
| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| | <u>Giá trị</u> | <u>Giá trị</u> |
| | <u>Dự phòng</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Phải thu các bên liên quan | 1.030.554.587 | - |
| Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định- Cổ tức được chia | | 1.651.686.000 |
| Công ty TNHH MTV Dệt Vải Vinatex Quốc tế - Lãi tiền thuê tài sản | 1.030.554.587 | 354.507.539 |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 110.751.478.067 (27.275.446.849) | 51.735.478.990 (19.534.309.268) |
| Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài | 55.241.292.415 | - |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

| | Số cuối quý | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Gòn TNHH MTV- Phải thu do thu hồi hóa đơn và hủy hợp đồng chuyển nhượng dự án khu nhà ở tại phường Phước Long, TP.HCM | | | | |
| Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn TNHH MTV- Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Dự án Láng Le Bàu Cò | 43.532.895.759 | (24.032.895.759) | 43.532.895.759 | (16.291.758.178) |
| Tạm ứng | 5.727.890.412 | - | 4.516.764.120 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 6.249.399.481 | (3.242.551.090) | 3.685.819.111 | (3.242.551.090) |
| Cộng | 111.782.032.654 | (27.275.446.849) | 53.741.672.529 | (19.534.309.268) |

5b. Phải thu dài hạn khác

| | Số cuối quý Giá trị | Số đầu năm Giá trị |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tổng Công ty Nông Nghiệp Sài Gòn TNHH MTV- Phải thu tiền hợp tác kinh doanh của Dự án khu nhà ở tại phường Phước Long, TP.HCM | 127.550.998.510 | 307.066.666 |
| Cộng | 127.550.998.510 | 307.066.666 |

6. Nợ xấu

| | Số cuối quý | | Số đầu năm | |
|----------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các bên liên quan | 11.930.807.340 | - | 12.930.807.340 | - |
| Công ty CP Xúc tiến thương mại và đầu tư Phong Phú | 11.930.807.340 | | 12.930.807.340 | |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 49.806.977.824 | 19.554.587.481 | 49.841.142.183 | 27.280.887.578 |
| Tổng Cty Nông Nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV | 43.532.895.759 | 11.758.862.419 | 43.532.895.759 | 27.241.137.581 |
| Công ty TNHH Tài Tín | 3.242.551.090 | | 3.242.551.090 | |
| Các tổ chức và cá nhân khác | 3.031.530.975 | 7.795.725.062 | 3.065.695.334 | 39.749.997 |
| Cộng | 61.737.785.164 | 19.554.587.481 | 62.771.949.523 | 27.280.887.578 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | 9 tháng năm 2025 |
|--------------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | 35.491.061.945 |
| Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng | 6.692.135.738 |
| Số cuối quý | 42.183.197.683 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tầng Nhon Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

| | Số cuối quý | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 25.343.730.910 | | | |
| Nguyên liệu, vật liệu | 32.548.955.452 | (1.304.453.894) | 53.504.488.225 | (1.304.453.894) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 23.753.996.702 | - | 23.434.012.227 | - |
| Thành phẩm | 42.492.958.183 | (123.390.983) | 51.725.535.854 | (123.390.983) |
| Hàng hóa | 11.274.827.237 | - | 7.112.733.251 | - |
| Chi phí dở dang dự án khu nhà ở tại phường Phước Long B, TP.Thủ Đức | - | - | 187.766.564.464 | - |
| Cộng | 135.414.468.484 | (1.427.844.877) | 323.543.334.021 | (1.427.844.877) |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | 9 tháng 2025 |
|--------------------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.427.844.877 |
| Trích lập dự phòng/(Hoàn nhập) | - |
| Số cuối quý | 1.427.844.877 |

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối quý | Số đầu năm |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ, vật tư sản xuất | 255.973.749 | 379.563.256 |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 1.014.642.154 | |
| Chi phí khác | - | 32.083.331 |
| Cộng | 1.270.615.903 | 411.646.587 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối quý | Số đầu năm |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Quyền sử dụng đất | 2.816.326.500 | 3.918.367.320 |
| Chi phí sửa chữa | 289.266.665 | 784.921.825 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.800.246.454 | 2.262.499.214 |
| Cộng | 5.905.839.619 | 6.965.788.359 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP, Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 564.879.749.986 | 1.288.031.630.694 | 28.838.920.199 | 12.215.803.453 | 1.893.966.104.332 |
| Mua trong kỳ | - | 500.000.000 | - | - | 500.000.000 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 7.236.737.332 | 45.415.287.694 | 632.881.905 | - | 53.284.906.931 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (14.604.022.508) | - | - | (14.604.022.508) |
| Số cuối quý | 572.116.487.318 | 1.319.342.895.880 | 29.471.802.104 | 12.215.803.453 | 1.933.146.988.755 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 229.260.186.648 | 893.016.374.743 | 18.787.772.984 | 6.587.607.629 | 1.147.651.942.004 |
| Khấu hao trong kỳ | 17.493.077.694 | 55.335.884.843 | 1.591.888.320 | 537.323.913 | 74.958.174.770 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (14.604.022.508) | - | - | (14.604.022.508) |
| Số cuối quý | 246.753.264.342 | 933.748.237.078 | 20.379.661.304 | 7.124.931.542 | 1.208.006.094.266 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 335.619.563.338 | 395.015.255.951 | 10.051.147.215 | 5.628.195.824 | 746.314.162.328 |
| Số cuối quý | 325.363.222.976 | 385.594.658.802 | 9.092.140.800 | 5.090.871.911 | 725.140.894.489 |

10. Tài sản cố định vô hình

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Số đầu năm | 583.927.273 | 475.370.872 | 108.556.401 |
| Khấu hao trong kỳ | - | 9.046.359 | |
| Số cuối quý | 583.927.273 | 484.417.231 | 99.510.042 |

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối quý | Số đầu năm |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 537.706.046 | 1.074.604.835 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 1.648.961.819 | 1.648.961.819 |
| Cộng | 2.186.667.865 | 2.723.566.654 |

12. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối quý | Số đầu năm |
|----------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 173.252.715.248 | 187.950.459.989 |
| Công ty cổ phần Dệt May Nha Trang | 6.214.183.996 | 1.465.953.176 |
| Công ty CP Phước Lộc | 9.133.286.508 | 6.548.795.381 |
| Công ty TNHH Coats Phong Phú | 123.856.257.126 | 160.984.769.508 |
| Công ty cổ phần Nam Dương Phú | 206.238.960 | - |
| Công ty cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú | 33.842.748.658 | 18.950.941.924 |
| Phải trả các nhà cung cấp | 14.430.744.863 | 17.086.805.226 |
| Các nhà cung cấp khác | 14.430.744.863 | 17.086.805.226 |
| Cộng | 187.683.460.111 | 205.037.265.215 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Trả trước của các khách hàng khác | 125.758.259.568 | 129.315.513.090 |
| Cty TNHH SXKD Nguyên Liệu Dệt May VN | 9.962.577.900 | 9.962.577.900 |
| Tiền thu của khách hàng liên quan đến chuyển nhượng các căn nhà liên kế Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long. | 115.401.827.748 | 115.401.827.748 |
| Các khách hàng khác | 393.853.920 | 3.951.107.442 |
| Cộng | 125.758.259.568 | 129.315.513.090 |

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số cuối quý</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|----------------------------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|--------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 4.627.534.280 | | 2.400.564.140 | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 207.769.015 | 29.729.199 | 207.769.015 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.476.150.998 | | 1.238.850.898 | |
| Thuế tài nguyên | 8.789.760 | | 9.027.760 | |
| Tiền thuế đất (*) | 42.530.660.902 | | 72.511.288.096 | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | | - | |
| Cộng | 48.643.135.940 | 207.769.015 | 76.189.460.093 | 207.769.015 |

(*) Tiền thuế đất có hạn nộp vào ngân sách nhà nước là 30/10/2025 và 30/11/2025

15. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí chế độ cho nhân viên | 186.627.284 | - |
| Chi phí dịch vụ | 3.894.262.224 | 3.552.006.566 |
| Chi phí sửa chữa | 3.008.570.815 | |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 684.512.709 | 537.815.813 |
| Cộng | 7.773.973.032 | 4.089.822.379 |

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**17a. Phải trả ngắn hạn khác**

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 11.148.518.720 | 55.203.190.148 |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Phải trả tiền lãi vay | 11.148.518.720 | 2.794.184.998 |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam - Phải trả tiền cổ tức | - | 52.372.314.400 |
| Công ty cổ phần Dệt Gia Dụng Phong Phú – chi hộ | | 36.690.750 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 22.634.429.387 | 74.560.461.817 |
| Cty CP Phát triển Đầu tư An Tâm - Nhận góp vốn | 19.500.000.000 | 19.500.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 1.889.594.985 | 53.293.689.860 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 1.244.834.402 | 1.766.771.957 |
| Cộng | 33.782.948.107 | 129.763.651.965 |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17b. Phải trả dài hạn khác**

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Cty CP Dệt may Liên Phương - Nhận góp vốn dài hạn | 5.226.000.000 | 5.226.000.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 8.691.342.000 | 8.665.296.000 |
| Cộng | <u>13.917.342.000</u> | <u>13.891.296.000</u> |

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan | <u>17.865.392.459</u> | <u>16.438.837.322</u> |
| Tập đoàn dệt may Việt Nam (ADB) | 17.865.392.459 | 16.438.837.322 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | <u>81.226.368.590</u> | <u>94.119.161.285</u> |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | <u>13.838.738.987</u> | <u>22.646.200.332</u> |
| - Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam | 8.037.196.902 | 8.980.019.302 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam | - | 2.970.661.960 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 5.801.542.085 | 5.016.412.424 |
| - Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu | - | 5.679.106.646 |
| Vay ngắn hạn cá nhân khác | <u>67.387.629.603</u> | <u>71.472.960.953</u> |
| Cộng | <u>99.091.761.049</u> | <u>110.557.998.607</u> |

18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vay dài hạn phải trả bên liên quan | <u>525.266.234.921</u> | <u>516.330.778.162</u> |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ADB) | 525.266.234.921 | 516.330.778.162 |
| Cộng | <u>525.266.234.921</u> | <u>516.330.778.162</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn CSH | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | LN sau thuế chưa PP | Cộng |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Số dư đầu năm | 746.708.910.000 | 32.368.276.001 | 457.277.635.476 | 159.163.511.985 | 1.395.518.333.462 |
| 2. Tăng trong kỳ | - | - | 34.896.001.000 | 332.798.420.480 | 367.694.421.480 |
| Tăng từ kết quả kinh doanh | | | | 332.798.420.480 | 332.798.420.480 |
| Phân phối quỹ | | | 34.896.001.000 | | 34.896.001.000 |
| 3. Giảm trong kỳ | - | - | - | (105.885.693.499) | (105.885.693.499) |
| Phân phối lợi nhuận năm trước | | | | (105.581.693.500) | (105.581.693.500) |
| Phân phối quỹ | | | | (68.246.248.000) | (68.246.248.000) |
| Chia cổ tức năm 2024 còn lại | | | | (37.335.445.500) | (37.335.445.500) |
| Phân phối lợi nhuận năm nay | | | | (303.999.999) | (303.999.999) |
| Thù lao HĐQT+BKS | | | | (303.999.999) | (303.999.999) |
| 4. Số dư cuối kỳ | 746.708.910.000 | 32.368.276.001 | 492.173.636.476 | 386.076.238.966 | 1.657.327.061.443 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tầng Nhon Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối quý</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tập đoàn dệt may Việt Nam | 374.087.960.000 | 374.087.960.000 |
| Các cổ đông khác | 372.620.950.000 | 372.620.950.000 |
| Cộng | <u>746.708.910.000</u> | <u>746.708.910.000</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>9 tháng năm 2025</u> | <u>9 tháng năm 2024</u> |
|--------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu bán các thành phẩm | 555.179.208.958 | 561.977.515.750 |
| Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 705.015.592.220 | 645.063.837.232 |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản | - | 148.645.997 |
| Cộng | <u>1.260.194.801.178</u> | <u>1.207.189.998.979</u> |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>9 tháng năm 2025</u> | <u>9 tháng năm 2024</u> |
|---------------------|---------------------------|---------------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 261.203.314 | 175.175.866 |
| Cộng | <u>261.203.314</u> | <u>175.175.866</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>9 tháng năm 2025</u> | <u>9 tháng năm 2024</u> |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 446.429.200.582 | 469.415.374.826 |
| Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp | 635.056.708.437 | 587.455.132.295 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (210.011.528) |
| Cộng | <u>1.081.485.909.019</u> | <u>1.056.660.495.593</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>9 tháng năm 2025</u> | <u>9 tháng năm 2024</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 17.853.845.713 | 18.656.494.698 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 171.012.253 | 43.971.169 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 351.710.216.618 | 363.045.528.945 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 1.490.372.990 | 1.622.611.724 |
| Lãi chậm thanh toán | 307.311.684 | - |
| Cộng | <u>371.532.759.258</u> | <u>383.368.606.536</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>9 tháng năm 2025</u> | <u>9 tháng năm 2024</u> |
|-----------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 22.626.782.248 | 20.931.672.446 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 18.101.568.127 | 13.131.622.765 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 812.467.178 | 455.287.852 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập) các khoản đầu tư | (2.095.412.530) | 9.037.409.735 |
| Chi phí hỗ trợ giảm lãi chậm thanh toán | - | 9.415.761.812 |
| Cộng | <u>39.445.405.023</u> | <u>52.971.754.610</u> |

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải đọc cùng với Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHONG PHÚ

Địa chỉ: 48 Tăng Nhơn Phú, phường Tăng Nhơn Phú, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP QUÝ 3 NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Chi phí bán hàng

| | 9 tháng năm 2025 | 9 tháng năm 2024 |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.851.473.454 | 3.497.685.042 |
| Chi phí vận chuyển | 2.140.933.925 | 1.732.872.083 |
| Chi phí khác | 7.876.832.119 | 6.991.750.325 |
| Cộng | 13.869.239.498 | 12.222.307.450 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 9 tháng năm 2025 | 9 tháng năm 2024 |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 40.276.639.696 | 38.694.336.202 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 2.202.473.179 | 2.518.119.416 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.402.287.916 | 2.692.300.472 |
| Thuế, phí và lệ phí | 79.488.010.738 | 77.965.761.443 |
| Dự phòng/(hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi | 6.692.135.738 | (31.250.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.282.811.649 | 32.362.171.602 |
| Chi phí khác | 4.958.843.243 | 5.803.142.607 |
| Cộng | 165.303.202.159 | 160.004.581.742 |

8. Thu nhập khác

| | 9 tháng năm 2025 | 9 tháng năm 2024 |
|------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng | 142.035.000 | - |
| Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 2.225.510.190 | 4.566.113.149 |
| Thu nhập khác | 754.425.618 | 729.763.704 |
| Cộng | 3.121.970.808 | 5.295.876.853 |

9. Chi phí khác

| | 9 tháng năm 2025 | 9 tháng năm 2024 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí giải phóng mặt bằng | 1.285.921.754 | - |
| Nộp tiền phạt | 110.526.207 | 845.575.481 |
| Tiền chậm nộp | 9.571.487 | 2.816.657.979 |
| Chi phí khác | 280.132.303 | 577.884.504 |
| Cộng | 1.686.151.751 | 4.240.117.964 |

10. Lãi trên cổ phiếu

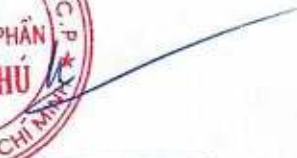
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 10 năm 2025


Trần Lan Anh
Người lập biểu


Lê Thị Tú Anh
Kế toán trưởng




Dương Khuê
Tổng Giám đốc